

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----o0o-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8
VNECO8 ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**

Năm Báo cáo: 2019

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

- Việc thành lập:

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 tiền thân là Xí nghiệp xây lắp điện Tây Nguyên, được thành lập theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 05 năm 1999 của Tổng Công ty xây dựng công nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Tổng đội xây lắp điện 2 và Tổng đội xây lắp và Thí nghiệm điện. Là một đơn vị thành viên, hạch toán phụ thuộc Công ty Xây lắp điện 3.

- Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần:

Năm 2003, thực hiện Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần và Quyết định số 46/2002/NĐ-BCN ngày 22 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc tổ chức lại Công ty xây lắp điện 3 thành Công ty Mẹ nhà nước trực thuộc Bộ công nghiệp và Quyết định số 54/2002/QĐ-BCN ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty xây lắp điện 3, thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con.

Thực hiện Quyết định số 132/2003/QĐ-BCN ngày 07 tháng 08 năm 2003 về việc Chuyển Xí nghiệp xây lắp điện Tây Nguyên thuộc Công ty xây lắp điện 3 thành Công ty cổ phần xây lắp điện 3.8 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Quyết định số 146/2003/QĐ-BCN ngày 11 tháng 09 năm 2003 về việc sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định 132. Ngày 19 tháng 11 năm 2003, Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần xây lắp điện 3.8 được long trọng tổ chức, trở thành Công ty hạch toán độc lập và là Công ty Con trong hệ thống các Công ty Con của Công ty xây lắp điện 3.

Khi Công ty xây lắp điện 3 - Công ty mẹ Nhà nước cổ phần hoá theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp, Công ty cổ phần xây lắp điện 3.8 được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 theo Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của ngành điện nói chung và của Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam nói riêng, Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 đang từng bước trưởng thành, phát triển không ngừng, khẳng định uy tín, vị thế của mình với quy mô và chất lượng các công trình đã và đang thi công. Xứng đáng là một trong những đơn vị mạnh trong hệ thống Công ty Con của Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO). Nhằm đẩy mạnh năng lực cạnh tranh của Công ty trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.



- Niêm yết:

Cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và chính thức chào sàn vào ngày 27 tháng 08 năm 2012 với một số nội dung như sau :

- + Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8
- + Mã cổ phiếu : VE8
- + Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- + Mệnh giá : 10.000 đồng/1 cổ phiếu
- + Tổng số lượng niêm yết : 1.800.000 cổ phiếu
- + Tổng giá trị niêm yết : 18.000.000.000 đồng

- Các sự kiện khác:

Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm cổ phần hoá:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam	27.545	55,09	
Cổ đông là người lao động trong Công ty.	22.455	44,91	Có 146 cổ đông

Cổ đông và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam	1.006.809	55,93	
Cổ đông là người lao động trong Công ty và cổ đông khác.	793.191	44,07	

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình công ích : Xây dựng công trình thủy lợi, công trình điện, nguồn điện, cấp thoát nước, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, công trình viễn thông, văn hoá, thể thao.

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện : Đầu tư xây dựng thủy điện vừa và nhỏ; Hoạt động sản xuất mua bán điện.

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao : Sản xuất cột điện bê tông ly tâm các loại, các sản phẩm bê tông đúc sẵn.

- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác : Bán buôn vật tư, thiết bị điện, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công.

- Xây dựng nhà các loại.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác : Xây dựng công trình công nghiệp.

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ : Xây dựng công trình giao thông cầu, đường, cống.

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại : Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí.

- Vận tải hàng hóa đường bộ.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê : Đầu tư kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế mới.

- Giáo dục nghề nghiệp : Đào tạo công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng : Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh; hàng trang trí nội thất – ngoại thất.

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

- Cho thuê xe có động cơ.

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

- Cơ sở lưu trú khác.

- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) : Đầu tư tài chính về cổ phiếu, cổ phần, trái phiếu.

- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

3. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Các mục tiêu định hướng chủ yếu của Công ty: Trong điều kiện kinh tế hiện nay, Công ty phấn đấu duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng tới mức tăng trưởng bình quân trên 10%.

Đấu thầu xây lắp các công trình điện, công trình viễn thông, công trình giao thông, xây dựng dân dụng... và cung cấp sản phẩm công nghiệp trên địa bàn cả nước. Thị trường chính là các công trình điện tại miền Nam, miền Trung và Tây Nguyên.

+ Mục tiêu trong năm 2020 :

- Doanh thu: 99,35 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 2,77 tỷ đồng

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty sẽ phát triển đa ngành đa nghề: Sản xuất công nghiệp, dân dụng, giao thông, đầu tư các nhà máy điện độc lập, sản xuất và kinh doanh điện, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải... nhưng vẫn lấy ngành xây lắp điện làm trọng tâm, nhằm giảm bớt rủi ro, đảm bảo Công ty phát triển bền vững. Phát triển sản xuất, cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hoá gắn liền với việc liên danh liên kết với các đơn vị khác.

Đẩy mạnh xúc tiến việc quảng bá sản phẩm công nghiệp, chiếm lĩnh thị phần trong khu vực, tìm kiếm thị trường mới.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Tổng tài sản đến ngày 31/12/2019 : 59.673.812.074 đồng

- Tài sản ngắn hạn : 50.044.837.004 đồng

- Tài sản dài hạn : 9.628.975.070 đồng

2. Tổng nguồn vốn đến ngày 31/12/2018 : 59.673.812.074 đồng

- Nợ phải trả : 46.486.612.012 đồng

- Vốn chủ sở hữu : 13.187.200.062 đồng

3. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019:

Năm 2019 là năm Công ty hoạt động không có hiệu quả, chỉ tiêu doanh thu giảm mạnh chỉ bằng 68,10% so với kế hoạch đề ra, lỗ 2,52 tỷ đồng, thu nhập của Người lao động tăng 105,68% so với kế hoạch. Một số chỉ tiêu đạt được cụ thể như sau :

- Doanh thu và thu nhập khác : 65,48 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : -2,52 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân : 7,82 triệu đồng/người/tháng.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Mở rộng đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, trong đó lấy ngành truyền thống của Công ty là xây dựng điện làm trọng tâm và là nền móng cho sự phát triển. Đồng thời từng bước tham gia kinh doanh các lĩnh vực: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, thương mại và dịch vụ, bất động sản và kinh doanh điện năng (nhà máy thuỷ điện, điện gió, điện mặt trời...). Tập trung đẩy nhanh phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trên các lĩnh vực chính: Xây lắp điện; Xây dựng dân dụng; sản xuất công nghiệp; Thương mại và dịch vụ.

Tiếp tục mở rộng đầu tư tại nhà máy BTLT Đắc Nông nhằm đa dạng hóa sản phẩm.

Đầu tư tại các khu đất mà Công ty đang sở hữu theo hướng dài hạn.

Tăng vốn điều lệ để tăng vốn kinh doanh và đảm bảo tài chính đối ứng để đầu tư vào các dự án.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT Năm 2019

Bảng cân đối kế toán

Stt	Nội dung	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	50.044.837.004	46.945.796.694
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.425.885.215	3.669.073.012
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.200.000.000	1.200.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	22.704.814.631	20.540.491.546
4	Hàng tồn kho	20.696.651.753	21.523.610.451
5	Tài sản ngắn hạn khác	17.485.405	12.621.685
II	Tài sản dài hạn	9.628.975.070	9.377.806.572
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	8.895.514.344	8.271.877.401
	- TSCĐ hữu hình	7.626.787.344	6.999.400.401
	- TSCĐ vô hình	1.268.727.000	1.272.477.000
3	Tài sản dở dang dài hạn	82.045.872	82.045.872
4	Tài sản dài hạn khác	651.414.854	1.023.883.299
	Tổng tài sản	59.673.812.074	56.323.603.266
III	Nợ phải trả	46.486.612.012	40.618.362.943
1	Nợ ngắn hạn	46.070.612.012	40.591.118.943
2	Nợ dài hạn	416.000.000	27.244.000

IV	Vốn chủ sở hữu	13.187.200.062	15.705.240.323
1	Vốn chủ sở hữu	13.087.200.062	15.705.240.323
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.000.000.000	18.000.000.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	509.956.126	509.956.126
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-5.322.506.063	-2804.715.803
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	Tổng nguồn vốn	59.673.812.074	56.323.603.266

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1	Doanh thu bán hàng & CC dịch vụ	65.312.875.391	61.000.787.718
2	D.thu thuần về bán hàng & CC Dvụ	65.312.875.391	61.000.787.718
3	Giá vốn hàng bán	60.536.828.351	57.919.582.821
4	LN gộp về bán hàng & CC dịch vụ	4.776.047.040	3.081.204.897
5	Doanh thu hoạt động tài chính	84.174.754	82.778.657
6	Chi phí hoạt động tài chính	2.057.911.264	1.954.626.399
7	Chi phí bán hàng	413.367.877	234.167.111
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.856.885.355	5.182.175.385
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	-2.467.942.702	-4.206.994.341
10	Thu nhập khác	86.363.636	175.405.273
11	Chi phí khác	94.569.354	47.246.074
12	Lợi nhuận khác	-8.205.718	128.159.199
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-2.476.148.420	-4.078.835.142
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.891.841	
15	Lợi nhuận sau thuế	-2.518.040.261	-4.078.835.142
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-1.399	-2.266

3. Báo cáo một số chỉ tiêu cơ bản hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %
1	2	3	4	5	6	7=(6/5)	8=(6/4)
1	Doanh thu, thu nhập	Tr.đ	61.25	96,15	65.48	68,10	106,91
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	-4.07	1,50	-2.52		
3	Thu nhập bình quân	Tr.đ/t	7,32	7,40	7,82	105,68	106,83

4. Kế hoạch năm 2020:

- Vốn điều lệ :	18,00 tỷ đồng
- Doanh thu :	99,35 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế :	2,77 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân (người/tháng) :	8,00 triệu đồng

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và đã được công bố thông tin.

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập :

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung.

“Ý kiến kiểm toán độc lập: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình dòng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Các nhận xét đặc biệt (Thư quản lý): Không.

2. Kiểm toán nội bộ:

Ý kiến kiểm toán nội bộ:

Các nhận xét đặc biệt: Không

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức công ty nắm giữ:

- Tổng Công cổ phần xây dựng điện Việt Nam nắm giữ 55,93% cổ phần, ngoài ra không có tổ chức nào là cổ đông lớn của Công ty (Cổ đông chiếm 5% vốn điều lệ trở lên).

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban giám đốc.
- Hệ thống các phòng ban, Nhà máy, Đội, Tổ sản xuất trực thuộc.

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành, Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:

1. Ông: Lê Văn Khôi

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 30/10/1974

Nơi sinh: Huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ thường trú: Tổ 91, K47/12 Lê Bá Trinh, P. Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Số CMND: 201608156 do CA Đà Nẵng cấp ngày 19/06/2007

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

2. Ông: NGUYỄN CÔNG DIỆU

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1975

Nơi sinh: Triệu Phong, Quảng Trị.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Thị trấn Ái Tử, Triệu Phong, Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 65/11, tỉnh lộ 5, xã Cư Ê Bua, thành phố Buon Ma Thuột.

Số CMND: 241477391 do CA tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/01/2011

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng.

Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8.

3. Ông: TRẦN QUANG CÂN

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 20/10/1968

Nơi sinh: Đức Vĩnh, Đức Thọ, Hà Tĩnh

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Đức Vĩnh, Đức Thọ, Hà Tĩnh.

Địa chỉ thường trú: Tổ 128, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Số CMND: 201540858 do CA tỉnh Đà Nẵng cấp ngày 09/05/2006

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD.

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

Ban điều hành công ty :

1. Ông: NGUYỄN CÔNG DIỆU

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1975

Nơi sinh: Triệu Phong, Quảng Trị.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Thị trấn Ái Tử, Triệu Phong, Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 65/11, tỉnh lộ 5, xã Cư Ê Bua, thành phố Buôn Ma Thuột.

Số CMND: 241477391 do CA tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/01/2011

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng.

Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8.

2. Ông: ĐỖ CHIẾN THẮNG

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 06/03/1973

Nơi sinh: Thị xã Hải Dương, T. Hải Dương.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Đồng Tâm, Ninh Giang, Hải Dương.

Địa chỉ thường trú: 351/3 Lê Duẩn, P. Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk.

Số CMND: 240463334 do CA tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/03/2013

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc.

3. Ông: ĐẶNG PHƯƠNG

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 16/04/1989

Nơi sinh: Xã La Phang, H. Chư Puh, T. Gia Lai..

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Xã Vinh Giang, H. Phú Lộc, T. Thừa Thiên – Huế.

Địa chỉ thường trú: Thôn Bình Thành 1, xã Bình Thuận, TX. Buôn Hồ, T. Đắk Lắk.

Số CMND: 230673866 do CA tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/06/2017

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.

Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc.

4. Ông: NGUYỄN TRÁNG SỸ

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1966

Nơi sinh: Tuyên Hóa, Quảng Bình.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Tuyên Hóa, Quảng Bình.

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Khối 6, phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột.

Số CMND: 241314334 do CA tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24/10/2013

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin.

Ban kiểm soát:

1. Ông: VÕ QUANG

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 15/03/1977

Nơi sinh: Thành phố Đà Nẵng.

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Địa chỉ thường trú: 31 Huy Cận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Số CMND: 201255426 do CA Đà Nẵng cấp ngày 09/08/2008

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ hiện nay: Phó phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

2. Ông: TRẦN NGỌC BÁU

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 28/10/1975

Nơi sinh: TP Vinh, Nghệ An.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Phúc Thọ, Nghi Lộc, Nghệ An.

Địa chỉ thường trú: 37 Y Ôn, TP. Buôn Ma Thuột.

Số CMND: 240509718 do CA Đắk Lắk cấp ngày 20/10/2010

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO8, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

3. Bà: NGUYỄN THỊ BÍCH HƯƠNG

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 06/04/1975

Nơi sinh: Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định.

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định.

Địa chỉ thường trú: 104/9A Mai Hắc Đế, P. Tân Thành, TP Buôn Ma Thuột.

Số CMND: 2441266712 do CA Đắk Lắk cấp ngày 05/03/2008

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Tổng hợp Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO8.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát.

Stt	Diễn giải	Số lượng	Trong đó Thành viên độc lập
1	Hội đồng quản trị	03	02
2	Ban Kiểm soát	03	01

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (kể cả số cổ phần được công ty mẹ ủy quyền):

Stt	Họ tên	Chức vụ	SL cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Lê Văn Khôi	Chủ tịch HĐQT	450.000	25,00	
2	Nguyễn Công Diệu	P. Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	258.029	14.33	
3	Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT	371.000	20,61	
4	Võ Quang	Tr. Ban kiểm soát	0	0	
5	Trần Ngọc Báu	TV. Ban kiểm soát	2.900	0,16	
6	Nguyễn Thị Bích Hường	TV. Ban kiểm soát	0	0	
7	Đỗ Chiến Thắng	P. Giám đốc	14.100	0,78	
8	Đặng Phương	P. Giám đốc	0	0	
9	Nguyễn Tráng Sỹ	Kế toán trưởng	14.500	0,81	

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

Stt	Diễn giải	SLCĐ	SL cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Tổng Cty cổ phần xây dựng điện Việt Nam	01	1.006.809	55,93	
2	CBCNV Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 và cổ đông khác	132	787.891	43,77	

Cổ đông lớn là tổ chức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề hoạt động:

Xây lắp các công trình điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, Các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng.

Thiết kế chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm.

Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện BTLT, các sản phẩm bê tông khác, kinh doanh các chủng loại VLXD, ...

Sản xuất, kinh doanh điện, ...

Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật, ...

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:

Stt	Diễn giải	SLCĐ	SL cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Shinichi Sano	01	1.000	0,06	Cập nhật ngày 09/04/2019
2	Yamazki Atsushi	01	200	0,01	Cập nhật ngày 09/04/2019
3	Finansia Syrus Sencurities Public Company Limited	01	4.000	0,22	Cập nhật ngày 09/04/2019

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính năm 2019
đã được kiểm toán.

Buôn Ma Thuột, ngày 24 tháng 03 năm 2020

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ VĂN KHÔI